TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 165/2024/HNGĐ-ST Ngày: 29/5/2024 V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Huỳnh Phi Hổ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 488/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 169/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Huỳnh Thị Kim A**,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: xã V, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Trương Nguyễn Công Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố S, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà A có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim A trình bày: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, giữa bà và ông Trương Nguyễn Công Đ được hai bên

gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2005, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ tính cách gia trưởng, không chia sẻ công việc và trách nhiệm tài chính với bà, không tôn trọng bà vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí ông Đ nhiều lần đánh bà khiến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên biết và có can ngăn hoà giải nhưng không được, ông Đ không những không nghe mà còn gây nhiều mâu thuẫn hơn. Vợ chồng đã ly thân khoảng 12 năm nay. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Nguyễn Công Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Huỳnh Nhật T, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Trương Huỳnh Yến N, sinh ngày 19/09/2010. Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu Toà án giao cả hai con chung cho bà sau khi ly hôn. Tuy nhiên hiện nay cháu Trương Huỳnh Nhật T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trương Huỳnh Yến N và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Nguyễn Công Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Nguyễn Công Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có

lý do nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Kim A xin ly hôn ông Trương Nguyễn Công Đ, ông Đ là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: huyện T, tỉnh Đồng Nai nhưng thực tế hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ khu phố S, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau, được Uỷ ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 93/GCNKH quyển số 01/2005 vào ngày 12/12/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà A xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà A: Bà A khai, quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ tính cách gia trưởng, không chia sẻ công việc và trách nhiệm tài chính với bà A, không tôn trọng bà A vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí ông Đ nhiều lần đánh bà A khiến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên biết và có can ngăn hoà giải nhưng không được, ông Đ không những không nghe mà còn gây nhiều mâu thuẫn hơn. Vợ chồng đã ly thân khoảng 12 năm nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà xin được ly hôn với ông Đ.

Bị đơn ông Trương Nguyễn Công Đ đã được Tòa án xác minh là có hộ khẩu thường trú tại: huyện T, tỉnh Đồng Nai và thực tế hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ khu phố S, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho ông

Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Tại Biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu ngày 15/3/2024 thể hiện ông Đ được giao Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập nhưng không đồng ý ký nhận văn bản nên thư ký niêm yết theo quy định. Biên bản xác minh ngày 23/3/2024 tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện trong quá trình chung sống, giữa bà A, ông Đ có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn, các đương sự không báo với địa phương và không có đơn đề nghị địa phương hoà giải. Hiện nay chỉ có ông Đ sinh sống tại địa chỉ khu phố S, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, ông Đ biết Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án nhưng không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện ông Đ đã có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà A và ông Đ là có thật và hiện đã rất trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân 12 năm nay và không còn quan tâm, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông Đ để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Bà A ông Đ có 02 con chung là cháu Trương Huỳnh Nhật T, sinh ngày 01/03/2006 và cháu Trương Huỳnh Yến N, sinh ngày 19/09/2010. Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trương Huỳnh Yến N và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trương Huỳnh Nhật T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy, bà A có chỗ ở và thu nhập ổn định đồng thời cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, bà A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, ông Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà A, các đương sự không có thoả thuận khác về việc nuôi con, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không có yêu cầu nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà A, ông Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Đ (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim A với bị đơn ông Trương Nguyễn Công Đ về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con";

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1982 được ly hôn ông Trương Nguyễn Công Đ, sinh năm 1977.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Huỳnh Yến N, sinh ngày 19/09/2010 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà A, ông Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Đ (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà A đã

nộp theo biên lai thu số 0002651 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà A đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám